

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2018/DS-ST**

Ngày: 26-4-2018

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự góp hội và vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “hợp đồng dân sự góp hội và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 11A, xã ĐHB, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:*

- Ông **Phạm Văn Tr**, sinh năm 1968 (vắng mặt);

- Bà **Võ Thị Ngọc B** (M), sinh năm 1971 (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T11, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-9-2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2017 nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào ngày 20/02/2015 âm lịch bà Võ Thị Ngọc B có tham gia góp dây hụi 5.000.000 đồng do bà làm chủ, hụi có 28 phần, mỗi tháng mở một lần, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 2.500.000 đồng), bà B tham gia 01 phần và lĩnh hụi vào lần đầu tiên mở hụi được số tiền 92.000.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi bà B có góp hụi chết được 16 lần nên còn nợ lại 11 lần bằng 55.000.000 đồng.

Đến ngày 22/4/2017 âm lịch bà B có viết một tờ biên nhận còn nợ bà 55.000.000 đồng và liền sau đó có trả được 500.000 đồng nên còn nợ lại 54.500.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 06/4/2016 âm lịch bà Võ Thị Ngọc B có vay của bà 9.600.000 đồng, từ khi vay đến nay chưa trả gốc lãi.

Sau đó bà có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng kết quả hòa giải không thành.

Nay yêu cầu giải quyết buộc ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B phải trả cho bà tổng cộng **66.404.000đ** (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng), trong đó tiền hụi chết 54.500.000 đồng, tiền vay gốc 9.600.000 đồng và lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước 1,5%/tháng từ ngày 06/4/2016 âm lịch đến tháng 8/2017 âm lịch là 16 tháng với số tiền 2.304.000 đồng.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 31/01/2018 bà Võ Thị Ngọc B là bị đơn có ý kiến:*

Thừa nhận vào ngày 20/02/2015 âm lịch có tham gia góp dây hụi 5.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị T làm chủ, mỗi tháng mở hụi 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 2.500.000 đồng), bà tham gia 02 phần, lĩnh hụi lần đầu khi mở hụi. Sau đó vẫn góp hụi sống, hụi chết đầy đủ đến hơn 10 lần thì tiếp tục bỏ thăm để lĩnh phần hụi còn lại nhưng bà T không đồng ý nên hai bên thống nhất thỏa thuận trừ cần qua lại thì bà còn nợ bà T 54.500.000 đồng tiền hụi chết.

Ngoài ra vào ngày 06/4/2016 âm lịch bà có trực tiếp vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 9.600.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 770.000 đồng/tháng/9.600.000 đồng tiền gốc, không thỏa thuận thời hạn trả gốc, từ khi vay đến nay chưa trả gốc, lãi cho bà T được đồng nào.

Tiền hụi lĩnh được và tiền vay bà sử dụng vào mục đích mua bán trong gia đình, tiền trong nhà do bà quản lý và mọi chi tiêu trong gia đình do bà trực tiếp chi.

Tờ giấy đề ngày 27/02/2015 là do ông Phạm Văn Tr viết.

Nay thừa nhận vợ chồng còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tổng cộng số tiền 64.100.000 đồng, trong đó tiền hụi 54.500.000 đồng, tiền vay gốc 9.600.000 đồng, không đồng ý trả lãi của tiền vay, hẹn mỗi ngày trả 50.000 đồng đến khi nào đủ 64.100.000 đồng còn nợ.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có ý kiến: Chỉ yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B phải trả cho bà tổng cộng 64.100.000 đồng, trong đó tiền hụi chết 54.500.000 đồng, tiền vay gốc 9.600.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì

khác.

Đối tiền hui, đúng là ban đầu bà Võ Thị Ngọc B tham gia 02 phần, đã lĩnh hui ở lần mở hui thứ nhất, còn lại 01 phần góp hui sống đến lần thứ 11 thì bỏ thăm định lĩnh hui nhưng bà không đồng ý, do đó hai bên trừ cần thì bà B còn nợ lại 54.500.000 đồng; còn đối với số tiền vay 9.600.000 đồng trước đây hai bên có thỏa thuận trả góp hàng ngày, góp 60 ngày là đủ gốc lãi.

- Bị đơn bà Võ Thị Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa lần hai, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời trong đơn có nêu ý kiến thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hui là 59.000.000 đồng và hẹn mỗi tháng trả 1.500.000 đồng đến khi nào đủ 59.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Phạm Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa lần hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn Phạm Văn Tr, Võ Thị Ngọc B trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T buộc bị đơn ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B phải trả cho bà T tổng cộng 64.100.000 đồng, trong đó tiền hui chết 54.500.000 đồng, tiền vay gốc 9.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui và vay tài sản*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Nhưng bị đơn ông Tr, bà B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Tr, bà B, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông Tr, bà B vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 11/4/2018, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Tr, bà B vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa lần thứ hai.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng bị đơn ông Phạm Văn Tr vẫn vắng mặt không có lý do, bị đơn bà Võ Thị Ngọc B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xác định được giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn bà Võ Thị Ngọc B có xác lập hợp đồng dân sự góp hui và vay tài sản với nhau, cụ thể: Ngày 20/02/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị T làm chủ dây hui 5.000.000 đồng, hui có 28 phần, mỗi tháng mở một lần, hui có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 2.500.000 đồng), bà Võ Thị Ngọc B tham gia 02 phần, sau khi lĩnh phần hui thứ nhất bà B có tiếp tục góp hui sống, hui chết được hơn 10 lần thì hai bên thỏa thuận trừ căn bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền hui chết là 54.500.000 đồng; ngoài ra vào ngày 06/4/2016 âm lịch bị đơn bà Võ Thị Ngọc B có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 9.600.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, khi vay bị đơn có viết biên nhận nhận nợ.

- *Xét hợp đồng dân sự góp hui*: Từ khi gửi đơn khởi kiện đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn xác định số tiền hui chết bị đơn ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B còn nợ là 54.500.000 đồng, việc này cũng được bị đơn bà Võ Thị Ngọc B thừa nhận đúng (bút lục số 40), tuy nhiên theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt thì bị đơn bà Võ Thị Ngọc B lại xác định thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hui là 59.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hui còn nợ là 54.500.000 đồng nên HĐXX chỉ xem xét chấp nhận đúng yêu cầu của nguyên đơn đơn nêu ra. Vì vậy, nay bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hui chết còn thiếu là 54.500.000đ (*Năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), vì đây là nghĩa vụ của thành viên góp hui đối với chủ hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 25, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

- *Xét hợp đồng dân sự vay tài sản*: Xác định được vào 06/4/2016 âm lịch bà Võ Thị Ngọc B có vay của bà Nguyễn Thị T 9.600.000 đồng, từ khi vay đến nay chưa trả gốc, lãi cho nguyên đơn bà T.

Khi gửi đơn khởi kiện nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông Tr, bà B phải trả cho bà số tiền vay gốc còn nợ là 9.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định Ngân hàng Nhà nước là 1,5%/tháng tính từ ngày 16/4/2016 âm lịch đến tháng 8/2017 âm lịch với số tiền là 2.304.000 đồng (9.600.000đồng x 144.400đồng/tháng x 16 tháng). Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà T cũng đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn ông Tr, bà B trả cho bà số tiền

vay gốc còn thiếu đến thời điểm này là 9.600.000 đồng, không yêu cầu trả lãi và bị đơn bà B cũng đồng ý trả đúng số lượng tiền nguyên đơn đã yêu cầu nêu trên.

Tuy giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà B trình bày không thống nhất với nhau về thời hạn vay và lãi suất phải trả đối với số tiền vay gốc, nhưng hiện nay hai bên không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết gì về vấn đề này và bên cho vay bà T cũng không yêu cầu giải quyết buộc bên vay ông Tr, bà B phải trả lãi, mà chỉ yêu cầu buộc bên vay phải trả số tiền gốc đã vay là 9.600.000 đồng và bên vay bà B cũng thừa nhận còn thiếu. Do đó, không có căn cứ (và cũng không cần thiết) xác định chính xác thời hạn vay, lãi suất phải trả và HĐXX cũng không xem xét lại phần này.

Do đó, có căn cứ xác định hiện bị đơn bà B còn nợ tiền vay gốc của nguyên đơn bà T nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T buộc bị đơn bà B phải trả cho bà T số tiền vay gốc còn thiếu là 9.600.000 đồng.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B không tham gia theo giấy triệu tập nên Tòa án đã hai lần đến tại nhà ông Tr, bà B để thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, chỉ làm việc được với bà B, còn ông Tr không làm việc được. Đối với bà B đã thừa nhận, biên nhận nhận tiền hui đề ngày 27/02/2015 âm lịch do ông Tr viết và ký ra (bút lục số 39), hơn nữa chính bà B xác định số tiền lĩnh được từ tiền hui cũng như tiền vay bà sử dụng vào việc mua bán trong gia đình (nhà kinh doanh mua bán), tiền trong gia đình do bà quản lý và mọi chi tiêu trong gia đình do bà trực tiếp chi. Như vậy, tuy không làm việc được với ông Tr là do điều kiện khách quan nhưng có bà B đã thừa nhận việc sử dụng nguồn tiền có được, cụ thể là tiền lĩnh hui và tiền vay từ bà T đã được bà B sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông Tr phải cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà B trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì vậy, nay bị đơn ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tổng cộng số tiền còn thiếu là **64.100.000đ** (*Sáu mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng*), trong đó: Tiền hui chết 54.500.000 đồng, tiền vay gốc 9.600.000 đồng, vì đây là nghĩa vụ của thành viên góp hui đối với chủ hui và nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 25, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn ông Tr, bà B phải chịu **3.205.000** đồng ($64.100.000đ \times 5\%$) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 103, 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 25, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B phải trả cho bà Nguyễn Thị T tổng cộng **64.100.000đ** (*Sáu mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng*), trong đó: Tiềnhui chết 54.500.000 đồng, tiền vay gốc 9.600.000 đồng còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T, nếu ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà Nguyễn Thị T thì hàng tháng ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B còn phải trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Phạm Văn Tr, bà Võ Thị Ngọc B phải chịu **3.205.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T **1.602.000** đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000474 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2018); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đ/s;
- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP.

Phạm Thị Mỹ Linh